

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2020/HS-ST
Ngày 30-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Lan Anh;

Bà Hà Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2020/HSST ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị O (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 26 tháng 5 năm 1963 tại tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số X/X1, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mạnh T, sinh năm 1928 (đã chết) và con bà Phạm Thị D, sinh năm 1931 (đã chết); chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; con: Có 02 con (lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1986); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo tạo ngoại tại địa phương: Có mặt.

- Bị hại: Chị Bùi Hương G, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ Y, khối Y1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Bé Thị N; Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn L; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L nhận được đơn trình báo của chị Bùi Hương G, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú tại: Tổ Y, khối Y1, phường Đ, thành phố L trình báo về việc khoảng 10 ngày 04/8/2020 chị phát hiện bị mất trộm 01 chiếc túi xách màu hồng nhạt bên trong đựng 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX màu trắng ốp lưng màu hồng cùng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền mặt và 01 thẻ ngân hàng Agribank cùng với thẻ bảo hiểm y tế mang tên Bùi Hương G. Quá trình điều tra xác minh, ngày 06/8/2020 Công an thành phố L đã triệu tập Trần Thị O để làm rõ, tại Cơ quan điều tra Trần Thị O đã giao nộp toàn bộ tài sản trộm cắp được gồm: 01 túi xách giả da màu hồng nhạt nhãn hiệu Juno kích thước 20cmx22cm, tiền mặt 1.000.000 đồng, đựng 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, 01 ốp điện thoại di động bằng nhựa màu hồng kích thước 15x8cm, 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Bùi Hương G, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Bùi Hương G.

Ngày 07/8/2020, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố L khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thị O.

Tại Cơ quan Điều tra, Trần Thị O khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 04/8/2020 Trần Thị O một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu VISON màu đỏ đen biển kiểm soát 12P1-248.56 đi từ nhà ra khu vực chợ G, thành phố L để mua thức ăn, sau khi mua thức ăn xong Trần Thị O đi đến quầy bán thuốc thú y ở khu vực ở khu vực cổng phía Bắc của chợ G để mua thuốc cho gia cầm. Khi đến quầy thuốc Trần Thị O đỗ xe ở trước cửa quầy rồi đi vào thấy hai người phụ nữ đứng ở quầy, trong đó chị Bùi Hương G đang dọn dẹp trong quầy, chị Bé Thị N, sinh năm 1991 đứng bán thuốc cho Trần Thị O. Sau khi mua một túi thuốc gà giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng) Trần Thị O quay xe ra định đi về nhưng khi ra đến xe mô tô thấy mớ rau mua trước đó để trên phần yếm xe bị rơi xuống đất nên Trần Thị O quay vào quầy bán thuốc, để xin túi nilon đựng rau. Khi quay trở vào quầy thuốc, Trần Thị O thấy có một chiếc túi xách màu hồng nhạt đặt trên một chiếc ghế để ở ngay góc cửa ra vào quầy. Lợi dụng chị Bé Thị N đang bán thuốc cho khách, còn chị Bùi Hương G ra ngoài đổ rác Trần Thị O quan sát xung quanh thấy không có ai để ý đã đi đến chỗ chiếc túi xách rồi dùng tay phải lấy trộm chiếc túi đi ra xe treo vào trong móc treo của xe mô tô, sau đó nổ máy điều khiển xe đi ra khỏi chợ theo đường P, rẽ vào đường N đi thẳng về nhà. Sau khi về đến nhà Trần Thị O mở chiếc túi xách vừa trộm được ra xem thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX màu trắng có ốp lưng màu hồng, tiền mặt khoảng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cùng một số giấy tờ cá nhân. Trần Thị O lấy toàn bộ tiền trong túi xách trộm cắp được cất vào ví của mình để sử dụng. Đến sáng ngày 05/8/2020 Trần Thị O nhờ con trai là Nguyễn Văn L đem chiếc Iphone XSMAX trộm cắp được ra cửa hàng

điện thoại để mở khóa chiếc điện nhưng sau đó Nguyễn Văn L đã trả lại chiếc điện thoại cho Trần Thị O.

Tại biên bản định giá tài sản số 87/ĐGTSTT ngày 7/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố Lạng Sơn xác định tài sản bị trộm cắp là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX và 01 ốp điện thoại trị giá 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng), 01 túi xách giả da màu hồng trị giá 360.000 đồng (ba trăm sáu mươi nghìn đồng); tổng trị giá tài sản Trần Thị O trộm cắp trị giá 13.160.000 đồng (mười ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 171/CT-VKS, ngày 13/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Thị O về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản mà bản thân đã thực hiện như trên.

Bị hại chị Bùi Hương G tại cơ quan Điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt, khai: Vào khoảng 10 giờ 15 phút ngày 04/8/2020 tại quầy thuốc thú y ở chợ G, trong lúc bán hàng chị bị mất một túi xách màu hồng bên trong có 1.000.000 đồng tiền mặt, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, ốp màu hồng, 01 thẻ ngân hàng Agribank và 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Bùi Hương G. Ngày 11/8/2020 chị đã được cơ quan Điều tra trả lại toàn bộ tài sản bị mất trộm là túi xách màu hồng, 1.000.000 đồng tiền mặt, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, ốp màu hồng, 01 thẻ ngân hàng Agribank và 01 thẻ bảo hiểm y tế, chị xin miễn trách nhiệm hình sự cho Trần Thị O, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị O phạm tội Trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị O mức án từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản, không có điều kiện thi hành.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VISON màu đỏ đen biển kiểm soát 12P1-24856.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận bản thân đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc túi xách bên trong có 1.000.000 đồng tiền mặt, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, ốp màu hồng, 01 thẻ ngân hàng Agribank và 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên chị Bùi Hương G; tổng tài sản bị cáo trộm cắp được trị giá 14.160.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị O phạm tội Trộm cắp tài sản. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Thị O có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực, bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[3] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên cần xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo, trên cơ sở xem xét lời đề nghị, luận tội của Viện kiểm sát.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi và trả cho người bị hại, tại cơ quan Điều tra bị hại chị Bùi Hương G có đề nghị xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo được hưởng các tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tình tiết tăng nặng: Không có. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, bị cáo được Cơ quan điều tra cho tại ngoại đến nay, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, đã thực sự hối cải, có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo này ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh ngày 20/8/2020, bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Bùi Hương G đã được Cơ quan Điều tra trả lại toàn bộ tài sản và chị không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng gồm 01 túi xách màu hồng, 1.000.000 đồng tiền mặt, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, ốp màu hồng, 01 thẻ ngân hàng Agribank và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên chị Bùi Hương G; ngày 11/8/2020 chị đã được cơ quan Điều tra trả lại toàn bộ tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý. Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VISON màu đỏ đen biển kiểm soát 12P1-248.56, là tài sản sử dụng chung của gia đình, trả lại cho bị cáo.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, hướng xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về chứng cứ tài liệu trong vụ án được thu thập, bảo quản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị O phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị O 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/10/2020.

Giao bị cáo Trần Thị O cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trần Thị O có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Trần Thị O 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VISON màu đỏ đen biển kiểm soát 12P1-248.56.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

4. Án phí: Buộc bị cáo Trần Thị O phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Bùi Hương G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Nguyệt